BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA
NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÁC LOẠI CÂY HẰNG NĂM KHÁC

(Ban hành theo Quyết định số: 1503/QĐ-TCTK ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

1. Mục đích, yêu cầu điều tra

1.1. Mục đích điều tra

Cuộc điều tra nhằm thu thập thông tin tình hình sản xuất cây hằng năm phục vụ việc tính toán các chỉ tiêu thống kê cấp quốc gia, cấp tỉnh của ngành trồng trọt; làm cơ sở nghiên cứu, đánh giá việc ứng dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, việc sử dụng hóa chất trong sản xuất cây hằng năm, tính liên kết trong sản xuất - tiêu thụ sản phẩm cây trồng nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đánh giá kết quả sản xuất, cân đối tiêu dùng; lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất cây hằng năm của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.

1.2. Yêu cầu điều tra

Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý thông tin, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu cuộc điều tra phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của phương án.

Kết quả điều tra phải phản ánh đầy đủ, khách quan, kịp thời, chính xác tình hình, kết quả sản xuất cây hằng năm trên phạm vi cả nước.

2. Phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra

2.1. Phạm vi điều tra

- Theo phạm vi lãnh thổ: Cuộc điều tra được tiến hành tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có hoạt động sản xuất cây hằng năm.

- Theo loại hình kinh tế: Thực hiện điều tra tất cả các loại hình kinh tế, bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế ngoài nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

2.2. Đối tượng điều tra

Là các loại cây hằng năm được sản xuất và thu hoạch trên địa bàn.

2.3. Đơn vị điều tra

Doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) ***trực tiếp sản xuất*** cây hằng năm;

Hộ gia đình trực tiếp sản xuất cây hằng năm khác (hộ).

3. Loại điều tra

Cuộc điều tra được thực hiện kết hợp giữa điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu.

3.1. Điều tra toàn bộ

Điều tra toàn bộ áp dụng đối với DN, HTX, ĐVSN ***trực tiếp*** sản xuất cây hằng năm.

3.2. Điều tra chọn mẫu

Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với các hộ ***trực tiếp*** sản xuất cây hằng năm khác. Quy mô mẫu và phương pháp chọn mẫu được trình bày chi tiết trong Phụ lục I.

4. Thời điểm, thời gian và phương pháp điều tra

4.1. Thời điểm điều tra

Cuộc điều tra được tiến hành theo từng vụ sản xuất. Do mỗi địa phương có thể trồng nhiều loại cây và thời điểm kết thúc thu hoạch của mỗi loại cây cũng khác nhau, vì vậy Tổng cục Thống kê quy định thời điểm tiến hành điều tra được thực hiện sau khi hầu hết các loại cây hằng năm trong vụ được thu hoạch xong.

4.2. Thời gian điều tra

Thời gian tiến hành điều tra: 10 ngày, bắt đầu từ thời điểm điều tra.

4.3. Phương pháp điều tra

Áp dụng hai phương pháp dưới đây để thu thập thông tin:

a) Thu thập số liệu trực tiếp

Thực hiện thu thập số liệu trực tiếp đối với hộ: Điều tra viên đến từng hộ được chọn, thực hiện phỏng vấn trực tiếp người nắm được thông tin về hoạt động sản xuất cây hằng năm khác, tiêu dùng và bán ra sản phẩm cây hằng năm khác của hộ để ghi vào phiếu điều tra.

b) Thu thập số liệu gián tiếp

Thực hiện thu thập số liệu gián tiếp đối với các DN, HTX, ĐVSN trực tiếp sản xuất cây hằng năm: Cơ quan Thống kê giải thích, hướng dẫn phương pháp ghi phiếu điều tra cho đơn vị được điều tra; cấp tài khoản và mật khẩu để đơn vị được điều tra tự đăng nhập và cung cấp thông tin vào phiếu điều tra trên

trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê. Trường hợp đơn vị được điều tra không cung cấp thông tin trực tuyến, có thể ghi phiếu và gửi về cơ quan Thống kê địa phương; nếu là phiếu giấy cần có chữ ký duyệt của lãnh đạo và đóng dấu của đơn vị.

5. Nội dung, phiếu điều tra

5.1. Nội dung điều tra

Cuộc điều tra thu thập các thông tin:

- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch các loại cây hằng năm;

- Diện tích được cơ giới hóa; diện tích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng; diện tích sử dụng phân bón hóa học; diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm các loại cây hằng năm;

- Sản lượng sản phẩm thu hoạch, sản lượng sản phẩm bán ra của các loại cây hằng năm;

- Sản lượng sản phẩm các loại cây hằng năm do hộ tự sản xuất dự kiến được để lại với mục đích tiêu dùng cuối cùng tại hộ gia đình;

- Doanh thu từ sản lượng sản phẩm bán ra của các loại cây hằng năm;

- Kết quả sản xuất giống cây hằng năm của các DN/HTX/ĐVSN.

5.2. Phiếu điều tra

Có 03 loại phiếu điều tra được sử dụng trong cuộc điều tra này, bao gồm:

- Phiếu số 1/NSSL-HNTĐ-HO: Phiếu thu thập thông tin về cây hằng năm trọng điểm và cây hằng năm khác của hộ;

- Phiếu số 2/NSSL-HNK-HO: Phiếu thu thập thông tin về cây hằng năm khác của hộ;

- Phiếu số 3/NSSL-HN-DN: Phiếu thu thập thông tin về cây hằng năm của doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.

Phiếu điều tra được thiết kế sử dụng cho phiên bản giấy và phiên bản điện tử.

6. Phân loại thống kê sử dụng trong điều tra

Các bảng phân loại được áp dụng trong cuộc điều tra này gồm:

- Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

- Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

- Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra.

7. Quy trình xử lý và biểu đầu ra của điều tra

7.1. Quy trình xử lý thông tin

- Đối với phiếu điều tra giấy: Sau khi kết thúc giai đoạn thu thập thông tin, các loại phiếu điều tra được gửi về cơ quan Thống kê để kiểm tra, làm sạch, dánh mã. Cục Thống kê trực tiếp nghiệm thu số lượng, chất lượng theo từng loại phiếu điều tra. Phiếu điều tra được nhập tin tại cơ quan Thống kê địa phương theo chương trình phần mềm thống nhất do Tổng cục Thống kê xây dựng. Cục Thống kê kiểm tra, xử lý, nghiệm thu, truyền cơ sở dữ liệu điều tra, gửi báo cáo phân tích và biểu tổng hợp về Tổng cục Thống kê;

- Đối với phiếu điều tra điện tử: Kết thúc thời gian thu thập thông tin tại DN/HTX/ĐVSN, các giám sát viên tiến hành kiểm tra số lượng, chất lượng trước khi chấp nhận phiếu điều tra; thông tin của phiếu điều tra trực tuyến sẽ được cập nhật trực tiếp vào cơ sở dữ liệu tập trung tại Tổng cục Thống kê.

7.2. Tổng hợp, suy rộng kết quả điều tra

Kết quả điều tra về cây hằng năm được tổng hợp và suy rộng cho cấp tỉnh.

7.2.1. Tổng hợp, tính toán kết quả điều tra mẫu

Tổng hợp, tính toán, suy rộng kết quả điều tra mẫu theo từng loại cây từ Phiếu số 1/NSSL-HNTĐ-HO và Phiếu số 2/NSSL-HNK-HO.

- Đối với những loại cây trồng có thông tin điều tra xuất hiện từ 30 hộ mẫu trở lên, tính năng suất thu hoạch bình quân một ha của mẫu điều tra theo từng loại cây trong kỳ điều tra:

$$\bar{x}_j = \frac{\sum_{i=1}^{m} sm_{ij}}{\sum_{i=1}^{m} dm_{ij}} * 100 \qquad (1)$$

Trong đó:

+$\bar{x}_j$: Năng suất bình quân một ha cây hằng năm khác j của mẫu điều tra trong kỳ điều tra, tính bằng tạ/ha;

+ sm_{ij}: Sản lượng sản phẩm thu hoạch cây hằng năm khác j của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng kg;

+ dm_{ij}: Diện tích thu hoạch cây hằng năm khác j của các hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng m^2.

Lưu ý: Đối với những loại cây trồng có thông tin điều tra xuất hiện ở dưới 30 hộ mẫu hoặc không xuất hiện trong mẫu điều tra nhưng thực tế địa phương có sản xuất: Cục Thống kê tham khảo kết quả tổng hợp và tính toán mẫu đã điều tra (nếu có); kết hợp tham khảo ý kiến các chuyên gia nông nghiệp và căn cứ vào tình hình sản xuất thực tế của địa phương để ước tính năng suất thu hoạch.

- Suy rộng tổng sản lượng thu hoạch theo từng loại cây của các hộ, tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra:

$$S_{HOj} = \frac{\bar{x}_j \times D_{HOj}}{10} \qquad (2)$$

Trong đó:

+ S_{HOj}: Tổng sản lượng thu hoạch cây hằng năm khác j của các hộ, tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+$\bar{x}_j$: Năng suất bình quân một ha cây hằng năm khác j của mẫu điều tra trong kỳ điều tra, tính bằng tạ/ha;

+ D_{HOj}: Tổng diện tích thu hoạch cây hằng năm khác j của các hộ, tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

- Tính đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây hằng năm khác bán ra trong kỳ điều tra theo từng loại cây của hộ mẫu trên địa bàn tỉnh:

$$\overline{Ph_j} = \frac{\sum_{i=1}^{m} Th_{ij}}{\sum_{i=1}^{m} Sh_{ij}} * 1000 \qquad (3)$$

Trong đó:

+ $\overline{Ph_j}$: đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây hằng năm khác j của hộ mẫu bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+ Th_{ij}: Doanh thu bán ra sản phẩm cây hằng năm khác j của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng nghìn đồng;

+ Sh_{ij}: Sản lượng bán ra sản phẩm cây hằng năm khác j của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng kg.

- Tính toán tỷ lệ sản phẩm tự sản tự tiêu theo từng loại cây của hộ mẫu trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra:

Tỷ lệ sản phẩm tự sản tự tiêu là tỷ lệ sản lượng sản phẩm cây hằng năm khác dự kiến được giữ lại cho mục đích tiêu dùng cuối cùng tại hộ trong tổng số sản lượng sản phẩm cây hằng năm do hộ sản xuất ra trong trong kỳ điều tra. Tỷ lệ sản phẩm tự sản tự tiêu theo từng loại cây của hộ mẫu trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra được tính theo công thức:

$$W_j = \frac{\sum_{i=1}^{m} stt_{ij}}{\sum_{i=1}^{m} Ssx_{ij}} * 100 \qquad (4)$$

Trong đó:

+ W_j: Tỷ lệ sản phẩm tự sản tự tiêu cây hằng năm khác j trong kỳ điều tra của hộ mẫu, tính bằng %;

+ stt_{ij}: Sản lượng sản phẩm cây hằng năm khác j dự kiến giữ lại cho mục đích tiêu dùng cuối cùng tại hộ của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng kg;

+ Ssx_{ij}: Sản lượng thu hoạch cây hằng năm khác j của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng kg.

- Tính toán tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa/diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng/diện tích có sử dụng phân bón hóa học/diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo từng loại cây của hộ mẫu trong kỳ điều tra trên địa bàn tỉnh:

$$Zh_j = \frac{\sum_{i=1}^{m} dzh_{ij}}{\sum_{i=1}^{m} dh_{ij}} * 100 \qquad (5)$$

Trong đó:

+Zh_j: Tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa/diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng/diện tích có sử dụng phân bón hóa học/diện tích

liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây hằng năm khác j trong kỳ điều tra của hộ mẫu, tính bằng %;

+ dzh_{ij}: Diện tích được cơ giới hóa/diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng/diện tích có sử dụng phân bón hóa học/diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây hằng năm khác j trong kỳ điều tra của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng m^2;

+ dh_{ij}: Diện tích gieo trồng cây hằng năm khác j của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng m^2.

7.2.2. Tổng hợp, tính toán kết quả điều tra toàn bộ

Tổng hợp, tính kết quả điều tra toàn bộ theo từng loại cây từ phiếu số 3/NSSL-HN-DN

- Tổng hợp diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch của từng loại cây theo từng loại hình kinh tế (nhà nước, ngoài nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài) và theo từng loại hình đơn vị (DN, HTX, ĐVSN) toàn tỉnh trong kỳ điều tra:

$$D_{DNj} = \sum_{i=1}^{m} d_{ij} \qquad (6)$$

Trong đó:

+D_{DNj}: Tổng diện tích gieo trồng/ thu hoạch của cây hằng năm j của DN, HTX, ĐVSN theo từng loại hình kinh tế trong kỳ điều tra trên phạm vi toàn tỉnh, tính bằng ha;

+d_{ij}: Diện tích gieo trồng/thu hoạch cây hằng năm j của DN, HTX, ĐVSN thứ i theo từng loại hình kinh tế trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

- Tổng hợp sản lượng thu hoạch của từng loại cây theo từng loại hình kinh tế (nhà nước, ngoài nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài) và theo từng loại hình đơn vị (DN, HTX, ĐVSN) toàn tỉnh trong kỳ điều tra:

$$S_{DNj} = \sum_{i=1}^{m} s_{ij} \qquad (7)$$

Trong đó:

+S_{DNj}: Tổng sản lượng thu hoạch của cây hằng năm j của DN, HTX, ĐVSN theo từng loại hình kinh tế trong kỳ điều tra trên phạm vi toàn tỉnh, tính bằng tấn;

+ s_{ij}: Sản lượng thu hoạch cây hằng năm j của DN, HTX, ĐVSN thứ i theo từng loại hình kinh tế trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

- Tính đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây hằng năm bán ra trong kỳ điều tra theo từng loại cây của DN, HTX, ĐVSN trên địa bàn tỉnh:

$$\overline{Pd_j} = \frac{\sum_{i=1}^{m} Td_{ij}}{\sum_{i=1}^{m} Sd_{ij}} * 1000 \quad (8)$$

Trong đó:

+ $\overline{Pd_j}$: đơn giá bình quân một đơn vị sản phẩm cây hằng năm j của DN, HTX, ĐVSN bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+ Td_{ij}: Doanh thu bán ra sản phẩm cây hằng năm j của DN, HTX, ĐVSN thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng;

+ Sd_{ij}: Sản lượng bán ra sản phẩm cây hằng năm j của DN, HTX, ĐVSN thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

- Tính toán tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa/diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng/ diện tích có sử dụng phân bón hóa học/ diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo từng loại cây hằng năm của các DN, HTX, ĐVSN trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra:

$$Zd_j = \frac{\sum_{i=1}^{m} dzd_{ij}}{\sum_{i=1}^{m} dd_{ij}} * 100 \quad (9)$$

Trong đó:

+ Zd_j: Tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa/diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng/diện tích có sử dụng phân bón hóa học/diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây hằng năm j trong kỳ điều tra của DN, HTX, ĐVSN, tính bằng %;

+ dzd_{ij}: Diện tích được cơ giới hóa/diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng/diện tích có sử dụng phân bón hóa học/diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây hằng năm j trong kỳ điều tra của DN, HTX, ĐVSN thứ i, tính bằng ha;

+ dd_{ij}: Diện tích gieo trồng cây hằng năm j của DN, HTX, ĐVSN thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

7.2.3. Tính toán các chỉ tiêu diện tích – năng suất – sản lượng – đơn giá bình quân theo từng loại cây của tỉnh

- Tính tổng sản lượng thu hoạch toàn tỉnh của các loại hình đơn vị theo từng loại cây trong kỳ điều tra:

$$S_j = S_{HOj} + S_{DNj} \qquad (10)$$

Trong đó:

+ S_j: Tổng sản lượng thu hoạch cây hằng năm khác j của toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn

+ S_{HOj}: Tổng sản lượng thu hoạch cây hằng năm khác j của các hộ, tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ S_{DNj}: Tổng sản lượng thu hoạch cây hằng năm khác j của các DN, HTX, ĐVSN toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

Lưu ý: Sản lượng thu hoạch cả năm bằng tổng sản lượng thu hoạch các mùa vụ.

- Năng suất gieo trồng/thu hoạch bình quân một ha theo từng loại cây trồng:

$$\overline{X}_j = \frac{S_j}{D_j} \times 10 \qquad (11)$$

Trong đó:

+ $\overline{X}_j$: Năng suất gieo trồng/thu hoạch bình quân một ha cây hằng năm khác j toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tạ/ha;

+ S_j: Tổng sản lượng thu hoạch cây hằng năm khác j của toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ D_j: Tổng diện tích gieo trồng/thu hoạch cây hằng năm khác j của toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

- Tính đơn giá bình quân một đơn vị sản phẩm bán ra trong kỳ điều tra theo từng loại cây:

$$\overline{P}_j = \frac{\overline{Pd}_j * S_{DNj} + \overline{Ph}_j * S_{HOj}}{S_j} \qquad (12)$$

Trong đó:

+$\overline{P}_j$: Đơn giá bình quân một đơn vị sản phẩm cây hằng năm khác j bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+ $\overline{Pd}_j$: Đơn giá bình quân 1 đơn vị sản phẩm cây hằng năm khác j trên địa bàn tỉnh của DN/HTX/ĐVSN bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+ $\overline{Ph_j}$: Đơn giá bình quân 1 đơn vị sản phẩm cây hằng năm khác j trên địa bàn tỉnh của hộ bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+ S_{DNj}: Tổng sản lượng thu hoạch cây hằng năm khác j của các DN, HTX, ĐVSN toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

+ S_{HOj}: Tổng sản lượng thu hoạch cây hằng năm khác j của các hộ, tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ S_j: Tổng sản lượng thu hoạch cây hằng năm khác j của toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

- Tính toán tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa/diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng/diện tích có sử dụng phân bón hóa học/diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của từng loại cây trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra:

$$Z_j = \frac{Zd_j * D_{DNj} + Zh_j * D_{HOj}}{D_j} * 100 \qquad (13)$$

Trong đó:

+ Z_j: Tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa/diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng/diện tích có sử dụng phân bón hóa học/ diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây hằng năm khác j trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng %;

+ Zd_j: Tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa/diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng/diện tích có sử dụng phân bón hóa học/diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây hằng năm khác j của DN/HTX/ĐVSN trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng %;

+ Zh_j: Tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa/diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng/diện tích có sử dụng phân bón hóa học/diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây hằng năm khác j của hộ/tổ chức khác trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng %;

+ D_{HOj}: Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm khác j của toàn bộ hộ, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha;

+ D_{DNj}: Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm khác j trong kỳ điều tra của các DN, HTX, ĐVSN trên địa bàn tỉnh, tính bằng ha;

+ D_j: Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm khác j toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

7.3. Biểu đầu ra kết quả điều tra

Kết quả điều tra được tổng hợp cho cấp tỉnh và toàn quốc của từng kỳ điều tra theo hệ thống biểu tổng hợp do Tổng cục Thống kê biên soạn và cài đặt trong phần mềm xử lý kết quả điều tra.

8. Kế hoạch tiến hành điều tra

Bước 1. Chuẩn bị điều tra

- Thời gian thực hiện 30 ngày trước thời điểm điều tra;

- Nội dung thực hiện:

+ Bổ sung, sửa đổi phương án điều tra (nếu có); triển khai, hướng dẫn phương án điều tra ở cấp tỉnh, huyện; rà soát các đơn vị điều tra; lập bảng kê, chọn mẫu các đơn vị điều tra; in phương án, phiếu điều tra và các tài liệu liên quan;

+ Xây dựng và cập nhật hệ thống biểu đầu ra, chương trình phần mềm nhập tin, chương trình kiểm tra và tổng hợp kết quả điều tra cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và toàn quốc;

+ Lựa chọn điều tra viên, giám sát viên các cấp theo tiêu chuẩn quy định;

+ Tập huấn điều tra viên, giám sát viên các cấp (nếu có).

Bước 2. Triển khai điều tra

Thực hiện 10 ngày từ thời điểm điều tra.

Bước 3. Nhập tin, xử lý, tổng hợp số liệu

- Thời gian thực hiện: 20 ngày sau khi kết thúc thu thập số liệu;

- Nội dung thực hiện:

+ Đối với phiếu điều tra giấy: Kiểm tra, làm sạch, đánh mã các phiếu điều tra; nghiệm thu số lượng và chất lượng phiếu điều tra; nhập tin số liệu điều tra; kiểm tra, xử lý số liệu nhập tin;

+ Đối với phiếu điều tra điện tử: Kiểm tra số lượng, chất lượng trước khi chấp nhận phiếu điều tra. Trường hợp đơn vị kê khai thiếu thông tin, hoặc thông tin chưa logic, cơ quan Thống kê cần liên lạc với đơn vị được điều tra để xác minh, hướng dẫn đơn vị kê khai thông tin đầy đủ, chính xác rồi mới chấp nhận phiếu điều tra;

+ Cục Thống kê xử lý, tổng hợp số liệu, truyền cơ sở dữ liệu điều tra, gửi báo cáo phân tích và biểu tổng hợp về Tổng cục Thống kê.

Bước 4. Tổng hợp, phân tích và công bố kết quả điều tra

Tổng cục Thống kê tổng hợp, phân tích và công bố kết quả của cuộc điều tra sau 15 ngày kể từ ngày nhận số liệu từ các Cục Thống kê.

9. Tổ chức điều tra

9.1. Cấp Trung ương

a) Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và nghiệm thu khối lượng, chất lượng phiếu điều tra, biểu tổng hợp của các địa phương thực hiện cuộc điều tra theo quy định của Phương án này.

b) Vụ Kế hoạch tài chính chủ trì và phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản bảo đảm kinh phí điều tra; cấp phát, hướng dẫn định mức chi tiêu, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp.

c) Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê hướng dẫn các Cục Thống kê và phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, thanh tra cuộc điều tra này.

d) Vụ Phương pháp chế độ thống kê và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản lựa chọn đơn vị xây dựng phần mềm xử lý kết quả cuộc điều tra.

9.2. Cấp địa phương

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc triển khai thực hiện cuộc điều tra theo phương án, đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, quản lý và sử dụng kinh phí điều tra đúng chế độ, hiệu quả.

Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát nâng cao chất lượng thông tin; tiến hành phúc tra đối với những địa bàn và đơn vị có tăng, giảm đột biến về kết quả sản xuất cây hằng năm hoặc có biểu hiện vi phạm phương pháp điều tra.

10. Kinh phí và các điều kiện vật chất cho điều tra

Kinh phí điều tra từ nguồn ngân sách Nhà nước do Tổng cục Thống kê phân bổ trong kinh phí điều tra thường xuyên để thực hiện những nội dung theo phương án điều tra. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được phân bổ theo chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Bích Lâm

Phiếu số: 1/NSSL-HNTĐ-HO

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HẰNG NĂM TRỌNG ĐIỂM VÀ CÂY HẰNG NĂM KHÁC CỦA HỘ

Tờ phiếu số.....trong tổng số .....tờ

Vụ: ..... Mã vụ: Năm: ..... Hộ số:

Tỉnh: ..... Mã tỉnh: Họ và tên chủ hộ:.....

Huyện: ..... Mã huyện: Số điện thoại chủ hộ:.....

Xã: ..... Mã xã: Họ và tên người cung cấp tin:.....

Thôn: ..... Mã thôn: Số điện thoại người cung cấp thông tin:.....

I. Cây hằng năm trọng điểm **Cây*:.....** **Mã cây*:**

1. Số thửa/mảnh mà hộ trực trực tiếp sản xuất trong vụ này: ..... Thửa/mảnh

2. Thông tin từng thửa/mảnh

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính**	Tổng số	Cánh đồng	Cánh đồng	Cánh đồng	Cánh đồng	Cánh đồng .....
A	B	C	1=2+3+...	2	3	4	5	6
1	Diện tích gieo trồng	m^2						
2	Diện tích được cơ giới hóa (làm đất, thu hoạch,...)	m^2						
3	Diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng	m^2						
4	Diện tích có sử dụng phân bón hóa học	m^2						
5	Diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	m^2						
6	Diện tích thu hoạch	m^2						
7	Sản lượng thu hoạch	kg						
8	Sản lượng dự kiến để lại tiêu dùng tại hộ	kg		X	X	X	X	X
9	Sản lượng bán ra	kg		X	X	X	X	X
10	Doanh thu bán ra	nghìn đồng		X	X	X	X	X

3. Hộ có trồng cây hàng năm khác ngoài cây trọng điểm này không? Có --> Tiếp phần II

Không --> Kết thúc phỏng vấn

II. Cây hằng năm khác ngoài cây trọng điểm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính**	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*: .....
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1	Diện tích gieo trồng	m^2						
2	Diện tích được cơ giới hóa (làm đất, thu hoạch,...)	m^2						
3	Diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng	m^2						
4	Diện tích có sử dụng phân bón hóa học	m^2						
5	Diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	m^2						
6	Diện tích thu hoạch	m^2						
7	Sản lượng thu hoạch	kg						
8	Sản lượng dự kiến để lại tiêu dùng tại hộ	kg						
9	Sản lượng bán ra	kg						
10	Doanh thu bán ra	nghìn đồng						

* Cán bộ Thống kê ghi theo Phụ lục 2.Danh mục cây trồng nông nghiệp đã quy định trong Phương án điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp

** Đơn vị tính sản lượng của hoa các loại là bông/cành/giò/chậu

Ngày.....tháng.....năm.....

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Phiếu số: 2/NSSL-HNK-HO

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HẰNG NĂM KHÁC CỦA HỘ

Tờ phiếu số.....trong tổng số .....tờ phiếu

Vụ: .....
Tỉnh: .....
Huyện: .....
Xã: .....
Thôn: .....

Mã vụ:
Mã tỉnh:
Mã huyện:
Mã xã:
Mã thôn:

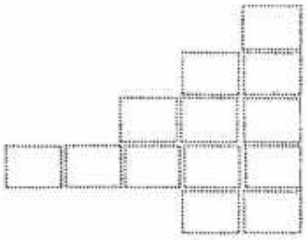

Năm: ..... Hộ số:

Họ và tên chủ hộ:.....

Số điện thoại chủ hộ:.....

Họ và tên người cung cấp tin:.....

Số điện thoại người cung cấp thông tin:.....

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính**	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*: .....
A	B	C	1	3	2	4	5	6	7
1	Diện tích gieo trồng	m^2							
2	Diện tích được cơ giới hóa (làm đất, thu hoạch,...)	m^2							
3	Diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng	m^2							
4	Diện tích có sử dụng phân bón hóa học	m^2							
5	Diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	m^2							
6	Diện tích thu hoạch	m^2							
7	Sản lượng thu hoạch	kg							
8	Sản lượng dự kiến để lại tiêu dùng tại hộ	kg							
9	Sản lượng bán ra	kg							
10	Doanh thu bán ra	nghìn đồng							

* Cán bộ Thống kê ghi theo Phụ lục 2.Danh mục cây trồng nông nghiệp đã quy định trong Phương án điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp

** Đơn vị tính sản lượng của hoa các loại là bông/cành/giò/chậu

Ngày.....tháng.....năm.....

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Phiếu số: 3/NSSL-HN-DN

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HẰNG NĂM CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Tờ phiếu số.....trong tổng số .....tờ phiếu

Vụ: ..... Mã vụ: Năm:..... Đơn vị số:

Tỉnh:..... Mã tỉnh: Họ và tên chủ đơn vị:.....

Huyện: ..... Mã huyện: Số điện thoại chủ đơn vị:.....

Tên đơn vị:.....

Họ và tên người cung cấp thông tin:.....

Mã số thuế:

Chức danh người cung cấp thông tin:.....

Loại hình đơn vị:

Số điện thoại người cung cấp thông tin:.....

DN nhà nước =1; DN ngoài nhà nước =2; DN có vốn đầu tư nước ngoài =3; HTX = 4; ĐVSN = 5

I. Cây lúa

1. Số thửa/mảnh ruộng lúa mà đơn vị trực tiếp sản xuất trong vụ này: ..... Thửa/mảnh

2. Thông tin từng thửa/mảnh

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Lúa ruộng						Lúa nương/rẫy
			Mảnh 01	Mảnh 02	Mảnh 03	Mảnh 04	Mảnh 05	Cộng chung lúa ruộng	
A	B	C	1	2	3	4	5	6=1+...+5	7
1	Diện tích thực gieo cấy	ha							
2	Diện tích thu hoạch	ha							
3	Diện tích thu hoạch bằng máy	ha							
4	Sản lượng thu hoạch	tấn							
5	Sản lượng bán ra	tấn	x	x	x	x	x		
6	Doanh thu bán ra	triệu đồng	x	x	x	x	x		
7	Giống lúa sử dụng	-						xxx	xxx
8	Mã giống lúa	-						xxx	xxx
9	Sử dụng rơm rạ chủ yếu của đơn vị*	ghi mã	x	x	x	x	x		

** Mã số sử dụng rơm, rạ: Để lại ruộng=1. Làm chất đốt=2. Làm thức ăn gia súc=3. Bán=4. Khác=5.*

3. Đơn vị có trồng cây hàng năm khác không? Có --> Tiếp phần II

Không --> Kết thúc phỏng vấn

II. Cây hằng năm khác

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính*	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*:	Tên cây: ..... mã cây*: .....
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
1	Diện tích gieo trồng	ha							
2	Diện tích được cơ giới hóa (làm đất, thu hoạch,...)	ha							
3	Diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng	ha							
4	Diện tích có sử dụng phân bón hóa học	ha							
5	Diện tích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	ha							
6	Diện tích thu hoạch	ha							
7	Tổng sản lượng thu hoạch	tấn							
8	Sản lượng bán ra	tấn							
9	Doanh thu bán ra	triệu đồng							

* Cán bộ Thống kê ghi theo Phụ lục 2. Danh mục cây trồng nông nghiệp đã quy định trong Phương án điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp

** Đơn vị tính sản lượng của hoa các loại là bông/cành/giò/chậu

III. Kết quả sản xuất giống cây hằng năm trong vụ:

STT	Tên cây/nhóm cây giống	Mã số	Tổng diện tích ươm giống (ha)	Số cây giống bán ra (nghìn cây)	Doanh thu bán ra (triệu đồng)
A	B	C	1	2	3
1	Rau các loại	01181			
2	Hoa các loại	011831			
3	Cây.....				
...	...				

Ngày.....tháng.....năm.....

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ HƯỚNG DẪN GHI CÁC PHIẾU ĐIỀU TRA NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÂY HẰNG NĂM KHÁC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Phần định danh

Tên và mã tỉnh, huyện, xã: tuân theo bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam 2004 được ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra;

Tên và mã thôn: thống nhất với các cuộc điều tra diện tích các cây trồng nông nghiệp.

Hộ số: theo thứ tự hộ trong danh sách hộ điều tra do Cục Thống kê lập

Số tờ phiếu: trường hợp 01 đơn vị điều tra phải sử dụng từ 02 tờ phiếu trở lên thì ghi rõ tờ phiếu số....trong tổng số....tờ phiếu của đơn vị điều tra.

2. Thông tin đơn vị điều tra

* ***Đối với hộ:*** Ghi đầy đủ họ và tên, số điện thoại liên hệ của chủ hộ và người cung cấp thông tin được điều tra.

* ***Đối với doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), đơn vị sự nghiệp (ĐVSN)***: Ghi theo tên của DN, HTX, ĐVSN trong giấy đăng ký kinh doanh hoặc theo tên trong con dấu. Đồng thời ghi đầy đủ họ và tên, số điện thoại liên hệ của chủ/thủ trưởng DN, HTX, ĐVSN và người cung cấp thông tin. Ngoài ra, cần ghi rõ chức danh người cung cấp thông tin được điều tra.

3. Loại cây trồng được điều tra

Tên và mã loại cây trồng: ghi theo Phụ lục 2. Danh mục cây trồng nông nghiệp đã quy định trong Phương án điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp. Tên cây trồng do điều tra viên ghi, mã cây trồng do cán bộ Thống kê ghi trong các phiếu thu thập thông tin.

4. Vụ sản xuất và mã số vụ sản xuất:

Cán bộ Thống kê ghi tên và mã vụ sản xuất theo qui ước như sau:

STT	Vụ sản xuất	Mã số vụ sản xuất
1	Vụ Đông	1
2	Vụ Xuân	2
3	Vụ Đông xuân	3
4	Vụ Hè thu	4
5	Vụ Thu đông	5
6	Vụ Mùa	6

5. Đơn vị tính

Được ghi sẵn và phù hợp với từng chỉ tiêu ở trong các phiếu để đảm bảo tính thống nhất.

Đối với những loại cây cho thu hoạch sản phẩm mà đơn vị tính khác nhau, thì Cục Thống kê cần hướng dẫn điều tra viên quy đổi và ghi thống nhất theo 01 đơn vị tính cho toàn tỉnh. Ví dụ: sản phẩm hoa có thể là bông/cành/giỏ/chậu,...

6. Hình thái sản phẩm

Khi xác định sản lượng sản phẩm, cần lưu ý về hình thái sản phẩm như sau:

(1) Cây lúa, ngô và cây lương thực có hạt khác: Sản phẩm dưới dạng hạt đã phơi khô quạt sạch;

(2) Cây lấy củ có chất bột: Sản phẩm dưới dạng củ tươi, được rửa sạch;

(3) Cây mía: Sản phẩm dưới dạng cây tươi, không lá;

(4) Cây thuốc lá, thuốc lào:

- Cây thuốc lá: Sản phẩm dưới dạng lá được phơi khô;

- Cây thuốc lào: Sản phẩm dưới dạng lá được phơi khô, thái sợi;

(5) Cây lấy sợi:

- Cây bông: Sản phẩm là sợi bông sau khi thu hoạch bao gồm cả hạt;

- Cây đay: Sản phẩm là vỏ/bẹ đay được phơi khô (không tính lõi);

- Cói: Sản phẩm là thân cói được chẻ và phơi khô;

- Lanh và cây lấy sợi khác: Hình thái sản phẩm dạng khô;

(6) Cây có hạt chứa dầu:

- Lạc (đậu phộng): Sản phẩm dạng cả vỏ, đã rửa sạch, phơi khô;

- Đậu tương (đậu nành): Sản phẩm dạng hạt, đã khô;

- Vừng (mè): Sản phẩm dạng hạt, đã khô;

- Sản phẩm cây có hạt chứa dầu khác: Sản phẩm dạng hạt, đã được phơi khô.

(7) Rau, đậu, hoa:

- Rau các loại:

+ Rau lấy lá: Sản phẩm dạng tươi được rửa sạch sau khi đã bỏ rễ;

+ Dưa lấy quả: Sản phẩm dạng quả tươi;

+ Rau họ đậu: Sản phẩm dạng tươi;

+ Rau lấy quả khác: Sản phẩm dạng quả tươi;

+ Rau lấy củ, rễ hoặc lấy thân: Sản phẩm dạng củ tươi đã được rửa sạch;

+ Nấm: Sản phẩm dạng tươi sau khi đã bỏ rễ;

+ Rau các loại khác chưa phân vào đâu: Sản phẩm dạng tươi đã được làm sạch.

- Đậu, đỗ các loại: Sản phẩm dạng hạt đã phơi khô.

- Hoa các loại: Sản phẩm dạng bông hoặc giò/chậu hoa tươi.

(8) Cây gia vị, dược liệu, hương liệu hàng năm: Sản phẩm dạng tươi đã được làm sạch.

(9) Cây hàng năm khác: Sản phẩm dạng tươi đã được làm sạch.

7. Lưu ý chung

- Khi thu thập thông tin về sản lượng tại hộ, điều tra viên thu thập số liệu sản lượng thu hoạch, không thu thập số liệu về năng suất và tuyệt đối không dùng năng suất ước tính để nhân với diện tích thay cho điều tra sản lượng thực thu.

- Trong quá trình thu thập/tổng hợp/kiểm tra số liệu, điều tra viên/cán bộ thống kê cần làm tốt công tác tư tưởng cho người cung cấp thông tin để bảo đảm số liệu thu được có độ tin cậy cao, phản ánh đúng thực tế kết quả sản xuất của hộ/DN, HTX, ĐVSN. Nếu có sự chênh lệch lớn với các hộ/DN, HTX, ĐVSN khác thì điều tra viên/cán bộ thống kê cần tìm hiểu nguyên nhân và xác minh lại thông tin, đảm bảo nguyên tắc phản ánh đúng kết quả sản xuất thực tế.

II. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU

1. PHIẾU SỐ 1/NSSL-HNTĐ-HO: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HẰNG NĂM TRỌNG ĐIỂM VÀ CÂY HẰNG NĂM KHÁC CỦA HỘ

Mục đích: Thu thập thông tin về diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, sản lượng thu hoạch từ ***cây hằng năm trọng điểm và những cây hằng năm khác mà hộ trực tiếp sản xuất*** làm cơ sở tính toán, suy rộng sản lượng cây hằng năm khác của tỉnh; thông tin về sản lượng bán ra, doanh thu phục vụ tính toán doanh thu bình quân 01 ha cây hằng năm và tính toán đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây hằng năm; thông tin về sản lượng sản phẩm cây trồng được để lại phục vụ mục đích tiêu dùng cuối cùng tại hộ để làm căn cứ đánh giá tình trạng cân đối lương thực, thực phẩm. Ngoài ra, phiếu còn thu thập các thông tin về diện tích diện tích cây trồng được cơ giới hóa, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng, phân bón hóa học hay diện tích về liên doanh, liên kết của các hộ mẫu để phục vụ việc đánh giá những tiến bộ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây trồng.

Phạm vi: Các hộ mẫu được chọn điều tra theo từng vụ sản xuất.

Giải thích và hướng dẫn ghi phiếu

I. Cây hằng năm trọng điểm

Số thửa/mảnh: Mỗi phần diện tích có trồng cây trọng điểm được coi là 01 thửa/mảnh, không kể đó là diện tích trồng trần hay trồng xen. Nếu trên cùng

một cánh đồng, hộ trồng tại nhiều thửa/mảnh không liền kề, ở các vị trí khác nhau mỗi phần diện tích đó được tính là 01 thửa/mảnh.

Cột A, cột B: Ghi số thứ tự, tên các chỉ tiêu;

Cột C: Ghi đơn vị tính của các chỉ tiêu được điều tra. Quy định chung: đơn vị tính diện tích là m^2, đơn vị tính sản lượng sản phẩm của các loại cây hằng năm là kg. Một số sản phẩm có nhiều đơn vị tính sản lượng khác nhau, cơ quan Thống kê địa phương thống nhất sử dụng chung 01 loại đơn vị tính cho toàn tỉnh.

Cột 1: ghi tổng giá trị các cột 2,3,4,....

(Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 + ...).

Lưu ý: Các thông tin tổng số được ghi ở tờ phiếu đầu tiên;

Cột 2 đến cột 5: Điều tra viên ghi thông tin của từng thửa/mảnh/cánh đồng mà hộ sản xuất cây trọng điểm.

Cánh đồng.....:ĐTV ghi tên của cánh đồng có các thửa/mảnh mà hộ trực tiếp sản xuất cây trọng điểm. Trong trường hợp trên cùng 01 cánh đồng, hộ sản xuất cây trọng điểm tại nhiều thửa/mảnh khác nhau, ĐTV ghi tên cánh đồng kèm theo kí hiệu thửa/mảnh 1, thửa/mảnh 2,... Ví dụ: Cánh đồng A/thửa 1, Cánh đồng A/thửa 2,....

Thông tin về từng chỉ tiêu của từng thửa/mảnh được in sẵn trên phiếu, cụ thể như sau:

Dòng 1: Điều tra viên ghi diện tích mà hộ thực tế có gieo trồng theo từng thửa/mảnh. Bao gồm cả diện tích trồng trên đất của hộ được giao sử dụng, đất đi thuê, mượn, khai hoang, xâm canh,...;

Dòng 2: Điều tra viên ghi diện tích gieo trồng hộ thực tế có ứng dụng cơ giới hóa vào quá trình sản xuất của từng thửa/mảnh. Cơ giới hóa được hiểu là việc áp dụng các trang thiết bị máy móc như máy cày, máy gieo hạt, máy phun thuốc trừ sâu, thiết bị hỗ trợ làm cỏ,....vào sản xuất cây trồng. Việc ứng dụng cơ giới hóa có thể được thực hiện ở một số công đoạn riêng lẻ hoặc liên hoàn đồng bộ tất cả các công đoạn sản xuất cây trồng.... Đối với chỉ tiêu này, nếu hộ ứng dụng từng bước cơ giới hóa đối với từng phần diện tích của thửa/mảnh, điều tra viên cộng các diện tích được hộ ứng dụng cơ giới hóa trên mảnh/thửa ruộng đó nhưng đảm bảo tổng diện tích được cơ giới hóa không lớn hơn diện tích của cả thửa/mảnh của hộ;

Dòng 3: Điều tra viên ghi diện tích hộ thực tế có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng trong quá trình sản xuất cây trồng của từng thửa/mảnh. Nếu hộ sử dụng nhiều loại dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng trên từng phần diện tích của thửa/mảnh, điều tra viên cộng các

diện tích đó lại nhưng đảm bảo tổng diện tích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng không lớn hơn diện tích của cả thửa/mảnh của hộ;

Dòng 4: Điều tra viên ghi diện tích hộ thực tế có sử dụng phân bón hóa học trong quá trình sản xuất cây trồng của từng thửa/mảnh. Đối với chỉ tiêu này, nếu hộ sử dụng nhiều loại phân bón hóa học trên từng phần diện tích của mảnh/thửa ruộng, điều tra viên cộng các diện tích đó lại nhưng đảm bảo tổng diện tích sử dụng phân bón hóa học không lớn hơn diện tích của cả thửa/mảnh của hộ;

Dòng 5: Điều tra viên ghi diện tích hộ thực tế có tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của từng thửa/mảnh. Tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được hiểu là việc hộ tham gia liên kết với các hộ khác hoặc các tổ chức khác trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây trồng. Đối với chỉ tiêu này, nếu hộ có có tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên từng phần diện tích của thửa/mảnh, điều tra viên cộng các diện tích đó lại nhưng đảm bảo tổng diện tích có tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm không lớn hơn diện tích của cả thửa/mảnh của hộ;

Dòng 6: Điều tra viên ghi thông tin diện tích mà hộ thực tế có thu hoạch sản phẩm của từng thửa/mảnh. Không tính những diện tích mà khi thu hoạch do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh,... dẫn tới sản lượng thu hoạch bị thiệt hại hơn 70% so với điều kiện sản xuất bình thường;

Dòng 7: Ghi sản lượng mà hộ thực tế có thu hoạch ở từng mảnh/thửa ruộng.

Dòng 8: Điều tra viên ghi tổng sản lượng sản phẩm cây trồng mà hộ dự kiến để lại ***phục vụ mục đích tiêu dùng cuối cùng*** tại hộ như để ăn, uống, cho, biếu, tặng hoặc chế biến nhằm mục đích sử dụng tại hộ. Chỉ tính sản lượng sản phẩm hộ tự sản xuất trong vụ; không tính sản lượng sản phẩm hộ sử dụng cho chăn nuôi; không tính sản lượng sản phẩm hộ mua bán, trao đổi với các đối tượng khác...;

Dòng 9, 10: Điều tra viên ghi tổng sản lượng sản phẩm bán ra và doanh thu hộ thu được từ sản lượng bán ra đó.

II. Cây hằng năm khác ngoài cây trọng điểm

Tương tự như cách thu thập và ghi số liệu đối với cây hằng năm trọng điểm.

Điều tra viên ghi thông tin từng cây hằng năm khác mà hộ thực tế sản xuất theo từng dòng và từng cột tương ứng. Trường hợp một cây hằng năm được hộ sản xuất tại nhiều mảnh/thửa ruộng thì điều tra viên cộng chung diện tích, sản lượng, doanh thu và ghi vào một cột.

Nếu hộ sản xuất nhiều loại cây trồng mà 01 tờ phiếu không ghi đủ thông tin thì điều tra viên sử dụng tờ phiếu tiếp theo. Điều tra viên và người cung cấp thông tin ký, ghi rõ họ tên ở tờ phiếu cuối cùng.

2. Phiếu số 2/NSSL-HNK-HO: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HÀNG NĂM KHÁC CỦA HỘ

Mục đích: Thu thập thông tin về diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, sản lượng thu hoạch từ ***các loại cây hằng năm khác mà hộ trực tiếp sản xuất*** (bao gồm cả thông tin của những loại cây mà Cục Thống kê chọn là cây hằng năm trọng điểm) làm cơ sở tính toán, suy rộng sản lượng các loại cây hằng năm khác của tỉnh; thông tin về sản lượng bán ra, doanh thu phục vụ tính toán doanh thu bình quân 01 ha cây hằng năm khác và tính toán đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây hàng năm khác; thông tin về sản lượng sản phẩm cây trồng được để lại phục vụ mục đích tiêu dùng cuối cùng tại hộ để làm căn cứ đánh giá tình trạng cân đối lương thực. Ngoài ra, phiếu còn thu thập các thông tin về diện tích diện tích cây trồng được cơ giới hóa, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng, phân bón hóa học hay diện tích về liên doanh, liên kết củacác hộ mẫu để phục vụ việc đánh giá những tiến bộ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây trồng.

Phạm vi: Các hộ mẫu được chọn điều tra theo từng vụ sản xuất.

Giải thích và hướng dẫn ghi phiếu

Tham khảo cách ghi phiếu tại mục II của Phiếu số 1/NSSL-HNTĐ-HO: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HÀNG NĂM TRỌNG ĐIỂM VÀ CÂY HẰNG NĂM KHÁC CỦA HỘ.

3. Phiếu số 3/NSSL-HN-DN: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HÀNG NĂM CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Mục đích: Thu thập thông tin về diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, sản lượng thu hoạch từ ***các loại cây hàng năm (bao gồm cả cây lúa) do DN, HTX, ĐVSN trực tiếp sản xuất*** làm cơ sở tính toán sản lượng các loại cây hằng năm của tỉnh; thông tin về sản lượng bán ra, doanh thu phục vụ tính toán doanh thu bình quân 01 ha cây hằng năm và tính toán đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây hàng năm. Ngoài ra, phiếu còn thu thập các thông tin về diện tích diện tích cây hằng năm được cơ giới hóa, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều tiết sinh trưởng, phân bón hóa học hay diện tích về liên doanh, liên kết của các DN, HTX, ĐVSN để phục vụ việc đánh giá những tiến bộ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây trồng.

Riêng cây lúa, phiếu thu thập thêm các thông tin về giống, việc sử dụng rơm, rạ của từng vụ để phản ánh các thông tin khác liên quan đến việc sản xuất lúa của DN, HTX, ĐVSN.

Phạm vi: Toàn bộ các DN, HTX, ĐVSN trực tiếp sản xuất cây hàng năm trong vụ sản xuất.

Giải thích và hướng dẫn ghi phiếu

Phần I. Cây lúa:

1. Số thửa/mảnh ruộng lúa mà DN, HTX, ĐVSN trực tiếp sản xuất trong vụ này:

Ghi số thửa/mảnh đơn vị trực tiếp sản xuất trong vụ. Bao gồm cả diện tích trồng trên đất của đơn vị được giao sử dụng, đất đi thuê, mượn, khai hoang, xâm canh, ... Nếu đơn vị có sản xuất lúa nương/rẫy thì quy ước tính chung tất cả diện tích lúa nương/rẫy thành 01 mảnh.

2. Diện tích, sản lượng lúa của DN, HTX, ĐVSN

Thông tin về cây lúa được chia thành hai nhóm lúa ruộng và lúa nương/rẫy. Đối với lúa ruộng thông tin được ghi cho từng thửa/mảnh riêng biệt. Ví dụ một đơn vị có gieo cấy trên 03 mảnh ruộng thì thông tin được ghi cho các cột tương ứng là cột 1 (mảnh 01), cột 2 (mảnh 02) và cột 3 (mảnh 03). Cột 6 là tổng cộng các thông tin định lượng của các cột 1, cột 2, cột 3, cột 4 và cột 5. Đối với lúa nương/rẫy, thông tin được ghi chung cho tất cả các mảnh vào cột 7. Nếu một đơn vị có nhiều hơn 05 mảnh lúa ruộng thì sử dụng tờ phiếu tiếp theo để ghi phiếu, các thông tin về lúa nương/rẫy và thông tin lúa ruộng tổng số được ghi ở tờ cuối cùng.

Đối với từng mảnh ruộng, thông tin cần thu thập được ghi theo các chỉ tiêu in sẵn trên phiếu, cụ thể như sau:

+ Diện tích thực gieo cấy: Là toàn bộ diện tích mà đơn vị thực tế có gieo cấy trong phạm vi tỉnh không kể nguồn gốc, địa điểm. Diện tích thực gieo trồng lúa của đơn vị bao gồm diện tích gieo trồng trên đất nhận khoán, ruộng phần trăm của đơn vị, xâm canh, đấu thầu, làm rẽ, đất tận dụng, thùng đào, thùng đấu, cấy cưỡng, dược mạ, chân ruộng trà sớm, trà muộn....

+ Diện tích thu hoạch: Là diện tích thu hoạch sản phẩm hạt thóc. Không tính những diện tích mà khi thu hoạch do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh dẫn tới sản lượng bị thiệt hại hơn 70% so với điều kiện sản xuất bình thường;

+ Diện tích thu hoạch bằng máy: Là diện tích sử dụng máy móc có động cơ chạy nhiên liệu để thu hoạch lúa;

+ Tổng sản lượng thu hoạch: Là sản lượng thóc thực thu của đơn vị bao gồm toàn bộ sản lượng thu hoạch sau khi phơi khô, quạt sạch; sản lượng bán ngay tại ruộng (quy khô) và sản lượng tận dụng cho chăn nuôi, trả công cho người thu hoạch.

Đối với một số tỉnh, nhất là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, theo tập quán có thể bán ngay lúa phơi bông tại ruộng trước khi ra hạt đổ bồ hoặc bán ngay sau khi ra hạt. Do vậy, hạt thóc có thể chưa đạt đến độ khô chuẩn theo tiêu

chuẩn kỹ thuật. Vì vậy, nên tổ chức phơi thí điểm hoặc sử dụng máy đo độ ẩm để tính toán hệ số qui khô cho vùng, cho loại giống chủ yếu.

+ Sản lượng bán ra: Ghi tổng số sản lượng lúa bán ra.

+ Doanh thu bán ra: Ghi số tiền thu được từ sản lượng thóc bán ra.

- Giống lúa sử dụng: Ghi tên giống lúa chủ yếu sử dụng trên từng thửa ruộng. Nếu trên cùng 01 thửa ruộng có gieo cấy nhiều hơn 01 loại giống lúa thì ghi tên của giống lúa chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất của thửa ruộng. Cùng một giống nhưng giữa các địa phương có tên gọi khác nhau, cơ quan Thống kê phải thống nhất sử dụng chung tên một loại giống và hướng dẫn DN, HTX, ĐVSN ghi mã giống lúa;

- Mã giống lúa: cơ quan Thống kê ghi mã theo Phụ lục 3 Danh mục giống lúa chủ yếu quy định tại Phương án điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp.

- Sử dụng rơm rạ chủ yếu: Nếu phần lớn rơm rạ của tất cả các mảnh ruộng để lại ruộng, cánh đồng ghi mã 1; làm chất đốt ghi mã 2; làm thức ăn gia súc ghi mã 3; bán ghi mã 4; các trường hợp còn lại ghi mã 5.

Phần II. Cây hằng năm khác:

Tham khảo cách ghi phiếu tại mục II của Phiếu số 1/NSSL-HNTĐ-HO: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HÀNG NĂM TRỌNG ĐIỂM VÀ CÂY HẰNG NĂM KHÁC CỦA HỘ.

Phần III: Kết quả sản xuất giống cây hằng năm trong vụ:

- Tên cây giống/nhóm cây giống và mã số: Ghi tên loại cây hoặc nhóm cây giống và mã số theo Phụ lục 2. Danh mục cây trồng nông nghiệp đã quy định trong Phương án điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp.Trong đó cây giống rau, hoa chỉ ghi chung cho nhóm Rau các loại và nhóm Hoa các loại; các cây giống khác ghi cụ thể cho từng loại cây. Tên cây giống do đơn vị điều tra ghi, mã cây giống do cán bộ Thống kê ghi trong các phiếu thu thập thông tin.

- Tổng diện tích ươm giống: Ghi phần diện tích sử dụng ***trực tiếp để ươm, trồng*** từng loại cây giống, không tính diện tích đất để làm các công trình phụ trợ cho hoạt động sản xuất cây giống. Không tính diện tích cây trồng lấy hạt làm giống, không tính diện tích cây trồng bố, mẹ cung cấp cành, mắt để chiết ghép hay cung cấp mô để ươm cây giống.

- Số cây giống bán ra: Ghi số lượng cây giống mà các cơ sở đã bán ra trong vụ sản xuất của từng loại cây/nhóm cây.

- Doanh thu bán ra: Ghi số tiền thu được từ việc bán cây giống ra bên ngoài.

Phụ lục 01: QUY MÔ MẪU, PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU

1. Quy mô mẫu

1.1. Quy mô mẫu vụ Đông, vụ Xuân

(áp dụng với các địa phương sản xuất vụ Đông, vụ Xuân riêng biệt)

- Số lượng cây hằng năm trọng điểm:

Cây hằng năm trọng điểm là những cây hằng năm có diện tích gieo trồng lớn hoặc giá trị lớn được gieo trồng và thu hoạch trong vụ sản xuất. Mỗi địa phương chọn từ 5 đến 7 loại cây hằng năm trọng điểm để điều tra mẫu, trong đó từ 2 đến 5 loại cây thuộc nhóm rau, hoa các loại.

Tổng cục Thống kê quy định 2 loại cây trọng điểm là ngô, khoai lang. Trong trường hợp địa phương không sản xuất hoặc sản xuất với diện tích không đáng kể, hoặc có sự thay đổi cơ cấu cây trồng mà những cây hằng năm trọng điểm đã được Tổng cục Thống kê chọn không còn phù hợp với thực tiễn sản xuất của địa phương, Cục Thống kê có thể thay đổi cây hằng năm trọng điểm sau khi thống nhất bằng văn bản với Tổng cục Thống kê.

- Số lượng hộ mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm:

Tổng cục Thống kê quy định số lượng hộ mẫu điều tra theo quy mô diện tích gieo trồng của một số loại cây trồng như sau:

+ Số lượng mẫu điều tra tối thiểu 30 hộ mẫu/ 01 loại cây;

+ Số lượng mẫu điều tra tối đa: theo từng quy mô của từng loại cây. Cụ thể:

a) Cây ngô:

Ngô	
Quy mô diện tích	Số hộ mẫu tối đa
Dưới 200 ha	0
Từ 200 ha đến dưới 5000 ha	50
Từ 5000 ha đến dưới 15.000 ha	100
Từ 15.000 ha trở lên	150

b) Cây khoai lang

Khoai lang	
Quy mô diện tích	Số hộ mẫu tối đa
Dưới 200 ha	0
Từ 200 ha đến dưới 500 ha	50
Từ 500 ha đến dưới 3.000 ha	100
Từ 3.000 ha trở lên	150

c) Cây đậu tương

Đậu tương	
Quy mô diện tích	Số hộ mẫu tối đa
Dưới 50 ha	0
Từ 50 ha đến dưới 500 ha	50
Từ 500 ha trở lên	100

d) Cây lạc

Lạc	
Quy mô diện tích	Số hộ mẫu tối đa
Dưới 50 ha	0
Từ 50 ha đến dưới 1.000 ha	100
Từ 1.000 ha trở lên	150

e) Mỗi loại cây rau/hoa trọng điểm: điều tra từ 30 đến 50 hộ mẫu/ 01 loại

f) Những cây hằng năm trọng điểm khác (loại trừ những cây đã được nêu ở trên): điều tra từ 30 đến 100 hộ mẫu/1 loại cây.

Cục Thống kê căn cứ vào kết quả điều tra diện tích các loại cây trồng của vụ sản xuất tương ứng được khai thác từ cuộc điều tra theo Phương án điều tra diện tích cây trồng nông nghiệp để lựa chọn quy mô mẫu cho phù hợp.

- Số lượng hộ mẫu điều tra nhóm cây hằng năm khác nói chung:

Mỗi địa phương điều tra mẫu từ 200 đến 300 hộ.

1.2. Quy mô mẫu vụ Đông xuân, vụ Hè thu, vụ Mùa

- Số lượng cây hằng năm trọng điểm:

Mỗi địa phương chọn từ 7 đến 10 loại cây hằng năm trọng điểm để điều tra mẫu, trong đó từ 2 đến 5 loại cây thuộc nhóm rau, hoa các loại.

Tổng cục Thống kê quy định 5 loại cây hằng năm trọng điểm là ngô, khoai lang, lạc, sắn, mía. Trong trường hợp địa phương không sản xuất hoặc sản xuất với diện tích không đáng kể, hoặc có sự thay đổi cơ cấu cây trồng mà những cây trọng điểm đã được Tổng cục Thống kê chọn không còn phù hợp với thực tiễn sản xuất của địa phương, Cục Thống kê có thể thay đổi cây trọng điểm sau khi thống nhất bằng văn bản với Tổng cục Thống kê.

- Số lượng hộ mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm:

Tổng cục Thống kê quy định số lượng hộ mẫu điều tra theo quy mô diện tích gieo trồng của một số loại cây như sau:

+ Số lượng mẫu điều tra tối thiểu 30 hộ mẫu/ 01 loại cây;

+ Số lượng mẫu điều tra tối đa: theo từng quy mô của từng loại cây. Cụ thể:

a) Cây ngô:

Ngô	
Quy mô diện tích	Số hộ mẫu tối đa
Dưới 200 ha	0
Từ 200 ha đến dưới 5000 ha	50
Từ 5000 ha đến dưới 15.000 ha	100
Từ 15.000 trở lên	150

b) Cây khoai lang

Khoai lang	
Quy mô diện tích	Số hộ mẫu tối đa
Dưới 200 ha	0
Từ 200 ha đến dưới 500 ha	50
Từ 500 ha đến dưới 3.000 ha	100
Từ 3.000 ha trở lên	150

c) Cây sắn

Sắn	
Quy mô diện tích	Số hộ mẫu tối đa
Dưới 200 ha	0
Từ 200 ha đến dưới 5000 ha	50
Từ 5000 ha đến dưới 15.000 ha	100
Từ 15.000 ha trở lên	150

d) Cây mía

Mía	
Quy mô diện tích	Số hộ mẫu tối đa
Dưới 200 ha	0
Từ 200 ha đến dưới 5000 ha	50
Từ 5000 ha đến dưới 15.000 ha	100
Từ 15.000 ha trở lên	150

e) Cây lạc

Lạc	
Quy mô diện tích	Số hộ mẫu tối đa
Dưới 200 ha	0
Từ 200 ha đến dưới 500 ha	50
Từ 500 ha đến dưới 3.000 ha	100
Từ 3.000 ha trở lên	150

f) Mỗi loại cây rau/hoa trọng điểm: điều tra từ 30 đến 50 hộ mẫu/ 01 loại;

g) Những cây hằng năm trọng điểm khác (loại trừ những cây đã được nêu ở trên): điều tra từ 30 đến 100 hộ mẫu/ 1 loại cây.

Cục Thống kê căn cứ vào diện tích các loại cây trồng của vụ sản xuất tương ứng được khai thác từ cuộc điều tra diện tích cây trồng nông nghiệp để lựa chọn quy mô mẫu cho phù hợp.

- Số lượng hộ mẫu điều tra nhóm cây hằng năm khác nói chung:

Mỗi địa phương điều tra mẫu từ 300 đến 400 hộ.

2. Phương pháp chọn mẫu

Quy định chung:

- Cục Thống kê trực tiếp chọn mẫu.

- Việc chọn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm và cây hằng năm khác được thực hiện cả ở địa bàn nông thôn (thôn/ấp/bản – sau đây gọi chung là cấp thôn) và địa bàn thành thị (phường/thị trấn có gieo trồng cây hằng năm khác trong vụ sản xuất trên 5 ha – sau đây gọi chung là cấp phường).

- Đơn vị mẫu cấp I là thôn, phường; đơn vị mẫu cấp II là hộ.

Chi tiết các bước chọn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm và cây hằng năm khác như sau:

2.1. Chọn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm

- Bước 1: Chọn mẫu cấp I

a) Lập danh sách thôn, phường:

Việc chọn mẫu cấp I sẽ căn cứ vào kết quả điều tra diện tích các cây trồng nông nghiệp của từng vụ sản xuất. Cục Thống kê lập danh sách toàn bộ các thôn, phường *theo từng loại cây trọng điểm* (gọi là nhóm T_j). Sắp xếp các thôn, phường theo thứ tự diện tích cây trọng điểm j ($j = \overline{1,n}$) từ *cao xuống thấp.* Sau đó lựa chọn nhóm thôn, phường có diện tích cộng dồn cây j đạt giá trị gần nhất với 80% tổng diện tích cây j của nhóm T_j (gọi là nhóm t_j) và chỉ lựa chọn mẫu cấp I trong nhóm t_j này.

Ví dụ 1: Tỉnh A có diện tích gieo trồng cây j của các thôn, phường được sắp xếp theo thứ tự giảm dần như sau:

STT	Tên thôn, phường	Diện tích cho sản phẩm cây trọng điểm j của thôn, phường (ha)	Diện tích cho sản phẩm cây trọng điểm j cộng dồn của thôn, phường (ha)	Tỷ lệ phần trăm diện tích cộng dồn so với tổng diện tích (%)
A	B	1	2	
1	X1	D1	D1	
2	X2	D2	D1+D2	
3	X3	D3	D1+D2+D3	
...	...	...	...	
i	X(i)	D(i)	D1+D2+D3+D4+ D(i)	79,0
i+1	X(i+1)	D(i+1)	D1+D2+D3+D4+D(i+1)	82,5
...	...	...	...	
n	Xn	Dn	D1+D2+D3+D4+D5+...+Dn	

Diện tích cộng dồn các các thôn, phường từ X1 đến X(i) chiếm 79% (≈ 80%) diện tích cây trọng điểm của tỉnh, diện tích cộng dồn các thôn, phường từ X1 đến X(i+1) chiếm 82,5% diện tích cây trọng điểm thì sẽ chọn đơn vị mẫu cấp I trong nhóm thôn, phườngtừ X1 đến X(i).

b) Chọn mẫu cấp I:

Chọn mẫu cấp I riêng cho từng loại cây hằng năm trọng điểm. Số lượng đơn vị mẫu cấp I của mỗi loại cây bằng 5% thôn, phường của nhóm t_j sau khi đã làm tròn về số nguyên (gọi là nhóm N_j) nhưng không ít hơn 5.

Trường hợp tổng số thôn, phường của nhóm t_j nhỏ hơn hoặc bằng 5 thì chọn toàn bộ số thôn, phường của nhóm t_j để điều tra.

Ví dụ 2:

+ Nếu số thôn, phường từ X1 đến X(i) trong ví dụ 01 ở trên là 166, số đơn vị mẫu cấp I của cây j là $N_j = 8$ (5% x 166 = 8,3> làm tròn là 8).

+ Nếu số thôn, phường từ X1 đến X(i) trong ví dụ 01 ở trên là 172, số đơn vị mẫu cấp I của cây j là $N_j = 9$ (5% x 172 = 8,6 > làm tròn là 9).

Tính khoảng cách (x_j) chọn đơn vị mẫu cấp I theo công thức:

$$x_j = \frac{D_j}{N_j}$$

Trong đó:

+ x_j: Khoảng cách chọn đơn vị mẫu cấp Icây trọng điểm j;

+ D_j: là diện tích cộng dồn của nhóm t_j;

+ N_j: Tổng số đơn vị mẫu cấp I điều tra cây trọng điểm j.

Sử dụng chương trình Excel trên máy tính để chọn ra số ngẫu nhiên a nằm trong khoảng từ 1 đến x_j ($a< x_j$) bằng câu lệnh RANDBETWEEN(1, x_j). Đơn vị mẫu cấp I đầu tiên được chọn là thôn/phường/thị trấn có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với giá trị a. Các đơn vị mẫu cấp I được chọn tiếp theo là thôn, phường có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với các giá trị $a+ x_j$, $a+2x_j$, $a+3x_j$... chọn cho đến khi đủ số mẫu cấp I.

- Bước 2: Chọn mẫu cấp II

a) Lập danh sách hộ:

+ Đối với đơn vị mẫu cấp I được chọn là thôn/ấp/bản: lập danh sách các hộ có gieo trồng cây hằng năm trọng điểm từ 100m^2 trở lên trong phạm vi địa lý của thôn;

+ Đối với đơn vị mẫu cấp I được chọn là phường/ thị trấn: lập danh sách các hộ có gieo trồng cây hằng năm trọng điểm từ 100m^2 trở lên trong phạm vi địa lý của 01 đến 02 tổ dân phố/tiểu khu có diện tích gieo trồng lớn nhất.

Chi cục Thống kê có đơn vị mẫu cấp I phối hợp với Thống kê xã/phường và trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố/tiểu khu mẫu lập danh sách hộ theo Bảng kê hộ có gieo trồng cây hằng năm trọng điểm, theo từng loại cây trọng điểm và gửi danh sách này về Cục Thống kê để chọn mẫu. Mỗi hộ mẫu chỉ được chọn một lần ở dàn mẫu điều tra một loại cây trọng điểm. Việc lập danh sách các hộ thực tế có trồng cây hằng năm trọng điểm thực hiện theo thứ tự địa lý tự nhiên (từ đầu đến cuối thôn/tổ dân phố/tiểu khu hoặc theo hướng từ Bắc – Nam hoặc Đông - Tây) và đánh thứ tự từ 1 đến hết.

+ Cục Thống kê tổng hợp danh sách hộ chung toàn tỉnh theo từng loại cây trọng điểm theo thứ tự danh mục hành chính của các huyện, xã, phường/thị trấn có địa bàn mẫu (gọi là nhóm hộ HO_j) và tiến hành chọn hộ mẫu.

b) Chọn mẫu cấp II (hộ mẫu):

Tính khoảng cách (y_j) để chọn hộ mẫu như sau:

$$y_j = \frac{HO_j}{n_j}$$

Trong đó:

+ y_j: Khoảng cách chọn hộ mẫu cây trọng điểm j;

+ HO_j: Tổng số hộ trong nhóm hộ HO_j;

+ n_j: Tổng số hộ mẫu điều tra cây trọng điểm j của tỉnh.

Lưu ý:

+ y_j có thể là số thập phân và được làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

+ Tổng số hộ mẫu điều tra cây trọng điểm n_j được xác định theo từng loại cây và từng mùa vụ đã được quy định trong mục 1. Quy mô mẫu của phụ lục này.

Sử dụng chương trình Excel trên máy tính để chọn ra số ngẫu nhiên b nằm trong khoảng từ 1 đến y_j ($b< y_j$) bằng câu lệnh RANDBETWEEN(1, y_j). Hộ đầu tiên được chọn là hộ có số thứ tự b trong nhóm hộ HO_j đã được chọn ở trên. Hộ tiếp theo có số thứ tự $b+ y_j$; $b+2y_j$;...; $b+(n_j-1)y_j$. Thứ tự của các hộ được chọn là các giá trị vừa được tính toán sau khi đã làm tròn.

Ví dụ: Tỉnh X có diện tích thu hoạch cây trọng điểm j là 1000 ha, số hộ mẫu theo quy định là 100 hộ (n_j=100), tổng số hộ trồng cây trọng điểm j được lập từ các thôn mẫu của tỉnh là 220 hộ (HO_j=220), các hộ mẫu sẽ được chọn như sau:

Xác định khoảng cách chọn hộ:

$$y_j = \frac{220}{100} = 2,2$$

Giả sử hộ đầu tiên được chọn là hộ số 2 trong danh sách hộ;

Các giá trị để chọn hộ tiếp theo là:

Hộ thứ 2: $2+2,2 = 4,2 \approx 4$;

Hộ thứ 3: $2+2,2x2 = 6,4 \approx 6$;

Hộ thứ 4: $2+2,2x3 = 8,6 \approx 9$;

...

Các hộ được chọn tiếp theo là các hộ có số thứ tự 4; 6; 9,... trong danh sách hộ.

Lưu ý: Trường hợp số hộ mẫu trong danh sách HO_j nhỏ hơn hoặc bằng số hộ mẫu tối đa đã được quy định trong mục 1. Quy mô mẫu của phụ lục này thì chọn toàn bộ số hộ trong danh sách HO_j để điều tra.

Dàn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm được chọn cho từng vụ của từng năm riêng biệt dựa trên tình hình sản xuất thực tế tại địa phương. Tuy nhiên, nếu tình hình sản xuất các loại cây trồng trọng điểm không thay đổi nhiều qua các năm thì có thể ổn định các đơn vị đại diện để tiến hành điều tra cho năm tiếp theo. Trong trường hợp hộ mẫu không thể thu thập thông tin vì các lý do khác nhau thì cần thay đổi hộ đó theo nguyên tắc lấy hộ liền kề phía trên hoặc dưới hộ đã được chọn. Việc chọn hộ mẫu thay thế do Chi cục Thống kê có đơn vị mẫu cấp I thực hiện.

2.2. Chọn mẫu điều tra cây hằng năm khác

- Bước 1: Chọn mẫu cấp I

a) Lập danh sách thôn, phường:

Sau khi loại trừ những địa bàn đã điều tra cây hằng năm trọng điểm, căn cứ vào kết quả điều tra diện tích của từng vụ sản xuất, Cục Thống kê lập danh sách toàn bộ các thôn, phường có gieo trồng cây hằng năm khác (gọi là nhóm T_k). Sắp xếp các thôn, phường theo thứ tự diện tích từ *cao xuống thấp.* Sau đó lựa chọn nhóm thôn, phường có diện tích cộng dồn đạt giá trị gần nhất với 80% tổng diện tích nhóm T_k (gọi là nhóm t_k) và chỉ lựa chọn đơn vị mẫu cấp I để điều tra nhóm cây hằng năm khác còn lại trong nhóm t_k này.

b) Chọn mẫu cấp I:

Số lượng đơn vị mẫu cấp I được chọn để điều tra nhóm cây hằng năm khác còn lại bằng *2% số thôn, phường* của nhóm t_k sau khi đã làm tròn về số nguyên (gọi là nhóm N_k) *nhưng không ít hơn 5.*

Trường hợp tổng số thôn, phường của nhóm t_k nhỏ hơn hoặc bằng 5 thì chọn toàn bộ số thôn, phường của nhóm t_k để điều tra.

Tính khoảng cách (x_k) chọn đơn vị mẫu cấp I theo công thức:

$$x_k = \frac{D_k}{N_k}$$

Trong đó:

+ x_k: Khoảng cách chọn đơn vị mẫu cấp Icây hằng năm khác;

+ D_k: là diện tích cộng dồn của nhóm t_k;

+ N_k: Tổng số đơn vị mẫu cấp I cây hằng năm khác của tỉnh.

Sử dụng chương trình Excel trên máy tính để chọn ra số ngẫu nhiên c nằm trong khoảng từ 1 đến x_k ($c< x_k$) bằng câu lệnh RANDBETWEEN(1, x_k). Đơn vị mẫu cấp I đầu tiên được chọn là thôn/phường/thị trấn có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với giá trị c. Các đơn vị mẫu cấp I được chọn tiếp theo là thôn, phường có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với các giá trị $c+ x_k$, $c+2x_k$, $c+3x_k$ ... chọn cho đến khi đủ số đơn vị mẫu cấp I.

<u>*Kiểm tra tính đại diện:*</u> Các đơn vị mẫu cấp I được chọn phải đảm bảo trồng đa dạng các loại cây hằng năm khác. Nếu đơn vị mẫu cấp I được chọn không đảm bảo tính đại diện thì tiến hành chọn lại bằng cách thay đổi đơn vị mẫu cấp I đầu tiên hoặc sử dụng phương pháp chuyên gia lựa chọn đơn vị mẫu cấp I đại diện hơn để thay thế.

- Bước 2: Chọn mẫu cấp II

a) Lập danh sách hộ:

+ Đối với đơn vị mẫu cấp I được chọn là thôn/ấp/bản: lập danh sách các hộ có gieo trồng cây hằng năm khác từ 100m^2 trở lên trong phạm vi địa lý của thôn;

+ Đối với đơn vị mẫu cấp I được chọn là phường/thị trấn: lập danh sách các hộ có gieo trồng cây hằng năm khác từ 100m^2 trở lên trong phạm vi địa lý của 01 đến 02 tổ dân phố/tiểu khu có diện tích gieo trồng lớn nhất;

Chi cục Thống kê có đơn vị mẫu cấp I phối hợp với Thống kê xã/phường và trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố/tiểu khu mẫu lập danh sách hộ theo Bảng kê hộ có gieo trồng cây hằng năm khác và gửi danh sách này về Cục Thống kê để chọn mẫu. Việc lập danh sách các hộ thực tế có trồng cây hằng năm khác của đơn vị mẫu cấp I thực hiện theo thứ tự địa lý tự nhiên (từ đầu đến cuối thôn/tổ dân phố/tiểu khu hoặc theo hướng từ Bắc – Nam hoặc Đông - Tây) và đánh thứ tự từ 1 đến hết. Đối với những địa bàn rộng hoặc đi lại khó khăn thì có thể chia địa bàn ra thành 2 hoặc 3 cụm và tiến hành lập danh sách trong phạm vi một cụm để chọn đủ số hộ đại diện cho cả địa bàn

+ Cục Thống kê tổng hợp danh sách các hộ chung toàn tỉnh theo thứ tự Danh mục các đơn vị hành chính của các huyện, xã, phường/thị trấn có địa bàn mẫu (gọi là nhóm hộ HO_k) và tiến hành chọn hộ mẫu.

b) Chọn mẫu cấp II (hộ mẫu):

Tính khoảng cách để chọn hộ mẫu (y_k) như sau:

$$y_k = \frac{HO_k}{n_k}$$

Trong đó:

+ y_k: Khoảng cách chọn hộ mẫu cây hằng năm khác;

+ HO_k: Tổng số hộ trong nhóm hộ HO_k;

+ n_k: Tổng số hộ mẫu điều tra cây hằng năm khác của tỉnh.

Lưu ý:

+ y_k có thể là số thập phân và được làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy;

+ Tổng số hộ mẫu điều tra cây hằng năm khác n_k được xác định theo từng mùa vụ đã được quy định trong mục 1. Quy mô mẫu của phụ lục này.

Sử dụng chương trình Excel trên máy tính để chọn ra số ngẫu nhiên d nằm trong khoảng từ 1 đến y_k ($d<y_k$) bằng câu lệnh RANDBETWEEN(1, y_k). Hộ đầu tiên được chọn là hộ có số thứ tự d trong nhóm hộ HO_k của các thôn mẫu toàn

tỉnh. Hộ tiếp theo có số thứ tự $d+y_k$; $d+2y_k$;...; $d+(n_k-1)y_k$. Thứ tự của các hộ được chọn là các giá trị vừa được tính toán sau khi đã làm tròn.

Trường hợp số hộ mẫu trong danh sách HO_k nhỏ hơn hoặc bằng 200 đối với vụ Đông/ vụ Xuân và nhỏ hơn hoặc bằng 300 đối với vụ Đông xuân/ vụ Hè thu/ vụ Mùa thì chọn toàn bộ số hộ trong danh sách HO_k để điều tra.

Dàn mẫu điều tra cây hằng năm khác được chọn cho từng vụ của từng năm riêng biệt dựa trên tình hình sản xuất thực tế tại địa phương. Trong trường hợp hộ mẫu không thể thu thập thông tin vì các lý do khác nhau thì cần thay đổi hộ đó theo nguyên tắc lấy hộ liền kề phía trên hoặc dưới hộ đã được chọn.Việc chọn hộ mẫu để thay thế do Chi cục Thống kê có đơn vị mẫu cấp I thực hiện./.

Bảng kê hộ có gieo trồng cây hằng năm trọng điểm

Cây:.....
Vụ: .....
Tỉnh: .....
Huyện: .....
Xã: .....
Thôn: .....

Mã cây:
Mã vụ:
Mã tỉnh:
Mã huyện:
Mã xã:
Mã thôn:

STT	Họ và tên chủ hộ	Tổng diện tích gieo trồng m^2

Người lập bảng kê
(ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Bảng kê hộ có gieo trồng cây hằng năm khác

Vụ: ..... Mã vụ:

Tỉnh: ..... Mã tỉnh:

Huyện: ..... Mã huyện:

Xã: ..... Mã xã:

Thôn: ..... Mã thôn:

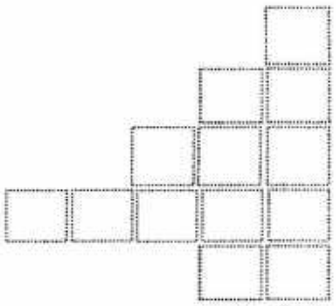

STT	Họ và tên chủ hộ	Tổng diện tích gieo trồng m^2

Người lập bảng kê

(ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại: